

Số: 09/2018/ QĐST-DS

M, ngày 30 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

*Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 5 Điều 48; Điểm c khoản 1 Điều 217; Khoản 1, 3,4 Điều 218; Khoản 1 Điều 219; Điều 271; Khoản 2 Điều 273; Điều 278 và khoản 2 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án*

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;*

*Xét thấy người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 21/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", giữa:

\* Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965. (Bà Hoàng Thị T ủy quyền cho ông Vũ Văn T theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/8/2018)

Địa chỉ: Số nhà 09, đường Trần Nhân T, khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn Tiên D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà 11, đường Trần Nhân T, khu 8, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

\* Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự.

\* Về án phí: Trả lại cho ông Vũ Văn T và bà Hoàng Thị T số tiền 900.000đ ( chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001098 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc

kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND tp M;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tp M;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Vũ Thị Thanh Phương**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).